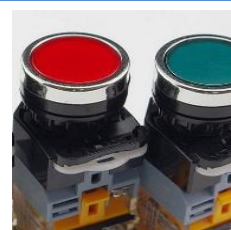


BẢNG GIÁ ÁP DỤNG THÁNG 10 NĂM 2025

Các Thiết bị & Sản phẩm xem Hướng dẫn sử dụng & Lắp đặt trên Menu trang Web phần : Dữ liệu kỹ thuật & Video Sản phẩm

NHÓM 5 : THIẾT BỊ & SP ĐIỆN CÔNG NGHIỆP & TỰ ĐỘNG		HÃNG SX	HÌNH ẢNH	ĐƠN VỊ	GIÁ BÁN
Push button illuminated (Nút nhấn đèn)					
BUTTON ĐÈN DT TP PR-25-L2-ĐỎ-SUNGHO	SUNGHO		CÁI	70,129	
BUTTON ĐÈN DT TP PR-25-L2-XANH-SUNHO	SUNGHO		CÁI	70,129	
BUTTON ĐÈN P-25-XL-XANH-YONGSUNG (YSAPBL2-AL22)	YOUNGSUNG		CÁI	85,747	
BUTTON ĐÈN P-25-XL-ĐỎ-YONGSUNG (YSAPBL2-AL22)	YOUNGSUNG		CÁI	85,747	
Push button (Nút nhấn)					-
BUTTON P25-XL(YSAP12-11)-ĐỎ	YOUNGSUNG		CÁI	55,750	
BUTTON P25-XL(YSAP12-11)-XANH-YONGSUNG	YOUNGSUNG		CÁI	55,750	
BUTTON P22-DÍNH (XANH)	NHẬP		CÁI	26,000	
BUTTON P22-DÍNH (ĐỎ)	NHẬP		CÁI	26,000	
BUTON BẰNG PB25-ĐỎ	NHẬP		CÁI	12,150	
BUTON BẰNG PB25-XANH	NHẬP		CÁI	12,150	

BUTTON DÙ (NHẤN NHẢ) PHI 30 -XANH	NHẬP		CÁI	20,250
BUTTON DÙ (NHẤN NHẢ) PHI 30 - ĐỎ	NHẬP		CÁI	20,250
BUTTON DÙ (NHẤN NHẢ) PHI 22 -XANH	NHẬP			20,250
BUTON ĐÈN ; PB22-ĐỎ	NHẬP		CÁI	32,500
BUTON ĐÈN; PB22-XANH	NHẬP		CÁI	32,500
BUTON ĐÈN ; PB25-ĐỎ	NHẬP		CÁI	32,500
BUTON ĐÈN; PB25-XANH	NHẬP		CÁI	32,500
BUTTON ĐÔI ĐÈN-APBB-25	NHẬP		CÁI	50,700
BUTON 310-3PHA-10A (BẮM DÍNH)	MINJIN		CÁI	46,250
BUTON 315- 3PHA 15A(BẮM DÍNH)	MINJIN		CÁI	54,000
BUTON 330 -3PHA 30A (BẮM DÍNH)	MINJIN		CÁI	69,000
BUTTON- PB2 (BẮM NHẢ)	SHINTEC		CÁI	35,000
BUTTON- PB2 (BẮM NHẢ)	SHINLIN		CÁI	66,750

BUTTON MÁY MAY-LAK-10(380V-2,2KW)	NHẬP		CÁI	32,500
BUTTON PB-3	SHINLIN		CÁI	107,520
BUTTON TAM GIÁC TRÒN 3PBD	MINJIN		CÁI	65,280
Emergency Stop Switch (Nút dừng khẩn cấp)				-
NÚT DỪNG KHẨN CẤP-CRE-25R1 (nhấn nhà xoay)	HANYOUNG		CÁI	48,575
NÚT DỪNG KHẨN CẤP-PR25-ER-1 (nhấn nhà xoay)	SUNGHO		CÁI	43,560
CÔNG TẮC DỪNG KHẨN CRE-25M1 (X+ĐỎ) (nhấn nhà)	HANYOUNG		CÁI	48,575
CÔNG TẮC DỪNG KHẨN P25 (ĐỎ)	CHINA		CÁI	26,000

CÔNG TẮC DỪNG KHẨN (PHI 22) LA 38 (ĐỎ)	CHINA		CÁI	22,100
MICA BUTTON P25 (100C/BỊT)	VN		CÁI	1,300
MICA BUTTON P22 (100C/BỊT)	VN		CÁI	1,170
CÔNG TẮC ĐÈN KCD6-3C	JANFA		CÁI	6,750
CÔNG TẮC ĐÈN KCD7-4C	JANFA		CÁI	9,450
CÔNG TẮC ĐÈN KCD7-6C	JANFA		CÁI	9,450
CÔNG TẮC BÀN ĐẠP LỚN -MJ-3	MINJIN		CÁI	114,240
CÔNG TẮC BÀN ĐẠP TRUNG -MJ2	MINJIN		CÁI	91,200
Selector Switch (Công tắc chuyển mạch)				-
CÔNG TẮC XOAY 2VỊ TRÍ Φ25-CRSL-252A1	HANYOUN G		CÁI	46,063
CÔNG TẮC XOAY 3VỊ TRÍ Φ25-CRSL-253A1	HANYOUN G		CÁI	46,063

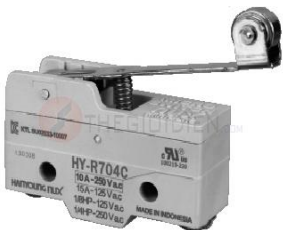
CÔNG TẮC XOAY 2 VỊ TRÍ P25-YSAR2-211K	YOUNGSU NG		CÁI	56,160
CÔNG TẮC XOAY 3 VỊ TRÍ P25-YSAR2-311K	YOUNGSU NG		CÁI	56,160
CÔNG TẮC XOAY 2 VỊ TRÍ Φ25-PR-25 S2-1	SUNGHO		CÁI	47,088
CÔNG TẮC XOAY 3 VỊ TRÍ Φ25-PR-25 S3-1	SUNGHO		CÁI	47,088
CÔNG TẮC XOAY 2,3 VỊ TRÍ, CẦN DÀI -115-B2	NP		CÁI	52,500
CÔNG TẮC XOAY 2,3 VỊ TRÍ Φ25	TP		CÁI	16,200
Cam Switch (Công tắc chuyển mạch)				-
CÔNG TẮC CHUYỂN MẠCH 48-AMPER OBISHI	OBISHI		CÁI	144,900
CÔNG TẮC CHUYỂN MẠCH 48-VOL OBISHI	OBISHI		CÁI	144,900
CÔNG TẮC CAM -ON-OFF (CS-91 P60)	TAIWAN		CÁI	354,200
CẦU DAO MÁY TIỆN KO3-15A 3P	JANFA		CÁI	81,600

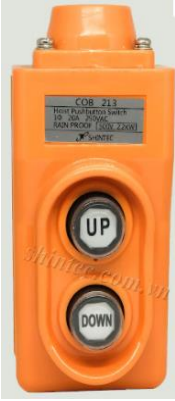
CẦU DAO MÁY TIỆN KO3-30A 3P	JANFA		CÁI	114,000
Toggle Switch (Công tắc gạt sắt)				-
CÔNG TẮC GẠT SẮT 2 CHÂN	MINJIN		CÁI	26,400
CÔNG TẮC GẠT SẮT 3 CHÂN	MINJIN		CÁI	28,800
CÔNG TẮC GẠT SẮT 4 CHÂN	MINJIN		CÁI	32,400
CÔNG TẮC GẠT SẮT 6 CHÂN	MINJIN		CÁI	34,800
Limit Switch (Công tắc hành trình)				-
CÔNG TẮC HÀNH TRÌNH-ĐẦU BI-M903	HANYOUN G		CÁI	217,080
CÔNG TẮC HÀNH TRÌNH, CÁN GẠT ĐIỀU CHỈNH-M904	HANYOUN G		CÁI	184,920
CÔNG TẮC HÀNH TRÌNH, LÒ XO-M909	HANYOUN G		CÁI	184,920

CÔNG TẮC HÀNH TRÌNH ĐẦU CON LẮN-M902	HANYOUNG		CÁI	184,920
CÔNG TẮC HÀNH TRÌNH-ĐẦU BI-MJ-D2	MINJIN			187,450
CÔNG TẮC HÀNH TRÌNH CẦN DÀI-M907	HANYOUNG		CÁI	184,920
CÔNG TẮC HÀNH TRÌNH, CẦN GẠT ĐẦU LẮN-M908	HANYOUNG		CÁI	184,920
Limit Switch (Công tắc hành trình)				-

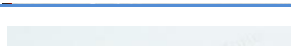
CÔNG TẮC HÀNH TRÌNH-TZ-8108	SHINTEC		CÁI	97,200
CÔNG TẮC HÀNH TRÌNH, DẠNG CẦN GẠT CON LẮN ĐIỀU CHỈNH ĐƯỢC-L804	HANYOUN G		CÁI	135,072
CÔNG TẮC HÀNH TRÌNH HY-L-808	HANYOUN G		CÁI	128,640
CÔNG TẮC HÀNH TRÌNH, CẦN Lò XO-L809	HANYOUN G		CÁI	128,640
CÔNG TẮC HÀNH TRÌNH, CẦN GẠT TRỤ DÀI ĐIỀU CHỈNH ĐƯỢC-L807	HANYOUN G		CÁI	135,072

CÔNG TẮC HÀNH TRÌNH, DẠNG PITONG CON LẮN DỌC-L802C	HANYOUN G		CÁI	152,760
CÔNG TẮC HÀNH TRÌNH, DẠNG PITONG ĐẦU BÌ-L803	HANYOUN G		CÁI	152,760
Limit Switch (Công tắc hành trình)				-
CÔNG TẮC HÀNH TRÌNH P-501O (DẠNG PITONG)	HANYOUN G		CÁI	116,580
CÔNG TẮC HÀNH TRÌNH PR508H (DẠNG PITONG CON LẮN NẰM DỌC)	HANYOUN G		CÁI	136,680
CÔNG TẮC HÀNH TRÌNH R504C (DẠNG CON LẮN ĐÒN BẦY DÀI)	HANYOUN G		CÁI	103,716
Micro Switch (Công tắc chuyển đổi)				-

CÔNG TÁC HÀNH TRÌNH P-701C (DẠNG ĐẦU NÚT NHẤN , BỊ NHỎ)	HANYOUN G		CÁI	56,350
CÔNG TÁC HÀNH TRÌNH P-701B (DẠNG ĐẦU NÚT NHẤN NGẮN)	HANYOUN G		CÁI	56,350
CÔNG TÁC HÀNH TRÌNH P-701D (DẠNG ĐẦU NÚT NHẤN ĐẦU DÀI)	HANYOUN G		CÁI	56,350
CÔNG TÁC HÀNH TRÌNH R-704C (DẠNG CON LẮN ĐÒN BẦY DÀI)	HANYOUN G		CÁI	57,155
CÔNG TÁC HÀNH TRÌNH R-704B (DẠNG CON LẮN ĐÒN BẦY VỪA)	HANYOUN G		CÁI	60,375
CÔNG TÁC HÀNH TRÌNH L-707A (DẠNG ĐÒN BẦY NGẮN)	HANYOUN G		CÁI	53,130
CÔNG TÁC HÀNH TRÌNH L-707B (DẠNG ĐÒN BẦY DÀI)	HANYOUN G		CÁI	53,130

CÔNG TẮC HTR Z-15GW-B (OMRON-JAPAN)	OMRON		CÁI	149,500
CÔNG TẮC GIỚI HẠN MINI (cần ngắn + bánh xe)-YSR1-15C	YONGSUNG		CÁI	38,893
CÔNG TẮC GIỚI HẠN MINI (cần dài + bánh xe)-YSR2-15C	YONGSUNG		CÁI	38,893
CÔNG TẮC GIỚI HẠN MINI (cần ngắn)-MJ101D	MINJIN		CÁI	12,650
Hoist Switch (Tay bấm điều khiển cầu trục)				-
ĐIỀU KHIỂN CẦU TRỤC, 2 NÚT -10A GIÁN TIẾP-COB-61	SHINTEC		CÁI	120,000
ĐIỀU KHIỂN CẦU TRỤC, 2 NÚT -20A TRỰC TIẾP-COB-213	SHINTEC		CÁI	216,000

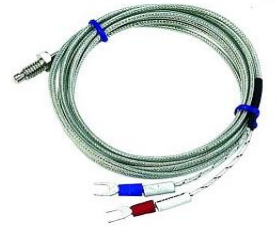
	ĐIỀU KHIỂN CẦU TRỤC, 4 NÚT -10A GIÁN TIẾP-COB-62	SHINTEC		CÁI	192,000
	ĐIỀU KHIỂN CẦU TRỤC, 6 NÚT -10A GIÁN TIẾP-COB-63	SHINTEC		CÁI	252,000
#	HY-1022SB (2 NÚT : UP, DOWN , VÀ NÚT DỪNG KHẨN)	HANYOUN G		CÁI	291,480
#	HY-1024SBB (4 NÚT , UP; DOWN; FORWARD; BACK & NÚT DỪNG KHẨN)	HANYOUN G		CÁI	403,200

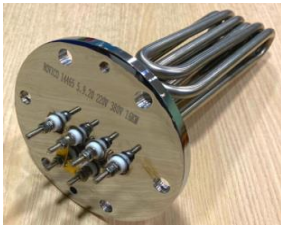
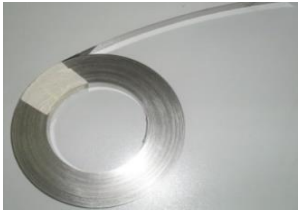
	HY-1024AB (4 NÚT , UP; DOWN; ON; OFF)	HANYOUN G		CÁI	281,400
	HY-1026ABB (6 NÚT , UP; DOWN; ON; OFF; E; W)	HANYOUN G		CÁI	386,400
#	HY-1026SBBB (6 NÚT , UP; DOWN; FORWARD; BACK; LEFT; RIGHT; VÀ NÚT DỪNG KHẨN CẤP)	HANYOUN G		CÁI	491,400
	FUSE (CẦU CHÌ)				-
	CẦU CHÌ KIẾNG FS-101 -20C/H	NHẬP		CÁI	13,000
	ĐẾ CHÌ RT-18 32A-ĐTP (10C/H)	NHẬP		CÁI	26,000
	CHÌ KIẾNG FUSE ỔN ÁP 3A-100C/H	NHẬP		CÁI	455

CHỈ KIẾNG FUSE ỔN ÁP 5A-100C/H	NHẬP		CÁI	455
CHỈ KIẾNG FUSE ỔN ÁP 10A (100C/H)	NHẬP		CÁI	455
CHỈ KIẾNG FUSE ỔN ÁP 15A-100C/H	NHẬP		CÁI	455
CHỈ KIẾNG FUSE ỔN ÁP 20A-100C/H	NHẬP		CÁI	455
CHỈ KIẾNG FUSE ỔN ÁP 30A-100C/H	NHẬP		CÁI	455
CHỈ SỨ RO 15-3A- 10x38 20C/H	NHẬP		CÁI	3,510
CHỈ SỨ RO 15-6A- 10x38 20C/H	NHẬP		CÁI	3,510
CHỈ SỨ RO 15-10A- 10x38 20C/H	NHẬP		CÁI	3,510
CHỈ SỨ RO 15-16A- 10x38 20C/H	NHẬP		CÁI	3,510
CHỈ SỨ RO 15-20A- 10x38 20C/H	NHẬP		CÁI	3,510
CHỈ SỨ RO 15-32A- 10x38 20C/H	NHẬP		CÁI	3,510
Temperature Controller (Bộ điều khiển nhiệt độ)				-
ĐIỀU KHIỂN NHIỆT ĐỘ FKc-PN52-0-400Đ (96x96)	FKC		CÁI	632,500
ĐIỀU KHIỂN NHIỆT ĐỘ FKc-PN48-0-400Đ (48x48)	FKC		CÁI	609,500
ĐIỀU KHIỂN NHIỆT ĐỘ RKC-REX-C100-400Đ (48x48)-OUTPUT RELAY	RKC		CÁI	295,000
ĐIỀU KHIỂN NHIỆT ĐỘ RKC-REX-C700 FK02-OUT: RELAY (72x72)	RKC		CÁI	295,000
ĐIỀU KHIỂN NHIỆT ĐỘ RKC-REX-C900 FK02-OUT: RELAY (96x96)	RKC		CÁI	306,800
ĐIỀU KHIỂN NHIỆT ĐỘ TAS-B4RK4C (48x48)-400 độ	AUTONICS		CÁI	470,580

ĐIỀU KHIỂN NHIỆT ĐỘ SIZE 48- E5C4 (ĐK BẰNG SSR)	OMRON		CÁI	300,000
ĐIỀU KHIỂN DỘ ẨM, FOX-1H	FOX		CÁI	931,700
ĐIỀU KHIỂN NHIỆT ĐỘ -40_90 1 RƠ LE ĐK-1004-FOX	FOX		CÁI	608,025
ĐIỀU KHIỂN NHIỆT ĐỘ -40_90 2 RƠ LE ĐK-D-1004-FOX	FOX		CÁI	707,850
ĐIỀU KHIỂN NHIỆT ĐỘ-AX4-1A (SIZE 48)	HANYOUN G		CÁI	940,781
ĐIỀU KHIỂN NHIỆT ĐỘ-AX7-1A (SIZE 72)	HANYOUN G		CÁI	1,047,110
ĐIỀU KHIỂN NHIỆT ĐỘ-AX9-1A (SIZE 96)	HANYOUN G		CÁI	1,047,110
ĐIỀU KHIỂN NHIỆT ĐỘ-AX9-4A (SIZE 96)	HANYOUN G		CÁI	1,116,455

ĐIỀU KHIỂN NHIỆT ĐỘ HIỆN SỐ -48x48-AC 220V-REX CH102 FK01 (RKC)	RKC		CÁI	264,000
BỘ ĐIỀU KHIỂN NHIỆT ĐỘ -XMTG-1000 : size : 48x48; NHIỆT ĐỘ 0-400 ĐỘ	YANGMING		CÁI	264,000
BỘ ĐIỀU KHIỂN NHIỆT ĐỘ -AT-502 : size : 48x48	ANLY		CÁI	1,540,000
BỘ ĐIỀU KHIỂN NHIỆT ĐỘ -E5CC-RX2ASM-800 (SIZE : 48x48)	OMRON		CÁI	1,292,500
THERMOSTATS-TS-320S (BỘ CHỈNH NHIỆT TỪ 0-320 ĐỘ)	RAINBOW		CÁI	216,000
RƠ LE ĐIỀU CHỈNH NHIỆT ĐỘ -TS-320 ĐỘ-ĐẦU BẰNG	NHẬP		CÁI	92,400
ĐẦU DÒ CẢM BIẾN NHIỆT ĐỘ KHO LẠNH ĐẦU INOX-SENSOR EWELLY 181H & EWELLY 181Y	NHẬP		CÁI	72,000

DÂY DÒ NHIỆT-LÒ XO- 10cmx2m	MINJIN		CÁI	57,600
DÂY DÒ NHIỆT-LÒ XO- 10cmx5m	MINJIN		CÁI	106,800
DÂY DÒ NHIỆT-LÒ XO- 5cmx2m	MINJIN		CÁI	52,800
DÂY DÒ NHIỆT-LÒ XO- 5cmx3m	MINJIN		CÁI	70,800
DÂY DÒ NHIỆT-LÒ XO- 5cmx5m	MINJIN		CÁI	106,800
DÂY DÒ NHIỆT-LÒ XO- 2cmx2m (HỆ K; REN PHI 6MM)	MINJIN		CÁI	38,400
DÂY DÒ NHIỆT-LÒ XO- 2cmx3m (HỆ K; REN PHI 6MM)	MINJIN		CÁI	50,400
DÂY DÒ NHIỆT-LÒ XO- 2cmx5m (HỆ K; REN PHI 6MM)	MINJIN		CÁI	102,000
ĐẦU DÒ CẢM BIẾN NHIỆT ĐỘ FOX	FOX		CÁI	120,000
DÂY DÒ NHIỆT -PT 3 DÂY (6,3x20x2m)	MINHAW		SỢI	181,440
ĐỒNG HỒ BÁO NHIỆT ĐỘ- THERMOMETER- LOẠI CHÂN NẰM NGANG (0-150 độ) - DEAWON	DEAWON		cái	125,000
ĐỒNG HỒ ĐO NHIỆT-100 -200 ĐỘ	DAEWON		CÁI	125,000

ĐIỆN TRỞ ĐUN NƯỚC CHỮ U -6KW 220V (50CM)-220/380V	DC		CÂY	206,250
ĐIỆN TRỞ ĐUN NƯỚC CHỮ U -3KW 220V (30CM)-220/380V	DC		CÂY	181,250
ĐIỆN TRỞ LÒ HƠI -18KW -3P 220V	RÔNG VIỆT		CÂY	937,500
BĂNG KEO NHIỆT 4 PHẦN	LIDAVI		CUỐN	178,250
BĂNG KEO NHIỆT 6 PHẦN	LIDAVI		CUỐN	253,000
DÂY ĐIỆN TRỞ NHIỆT DẸP-10CM	NHẬP		M	50,000
BIẾN TRỞ 2K-B202	TOCOS		CÁI	53,750
BIẾN TRỞ 5K-B502	TOCOS		CÁI	53,750
BIẾN TRỞ 1K-B102	TOCOS		CÁI	53,750
BIẾN TRỞ 10K-B103	TOCOS		CÁI	46,250
BIẾN TRỞ 20K-B203	TOCOS		CÁI	53,750
BIẾN TRỞ 100K-B104	TOCOS		CÁI	53,750
BIẾN TRỞ 250K-B254	TOCOS		CÁI	53,750
BIẾN TRỞ 500K-B504	TOCOS		CÁI	53,750
NÚT BIẾN TRỞ	TOKYO		CÁI	8,750
DÂY ĐIỆN AMIANG CHỊU NHIỆT 4MM2	DAXIN		CUỐN	1,601,600
DÂY ĐIỆN AMIANG CHỊU NHIỆT 6MM2	DAXIN		CUỐN	2,379,520
DÂY ĐIỆN AMIANG CHỊU NHIỆT 8MM2	DAXIN		CUỐN	3,234,400
DÂY ĐIỆN AMIANG CHỊU NHIỆT 10MM2 (6,8K/C)-70M/C	DAXIN		CUỐN	3,912,480
DÂY ĐIỆN AMIANG CHỊU NHIỆT 16MM2	DAXIN		CUỐN	6,042,400

ỐNG CO NHIỆT 3MM	NHẬP		M	1,500
ỐNG CO NHIỆT 5MM	NHẬP		M	2,125
ỐNG CO NHIỆT 10MM	NHẬP		M	5,000
ỐNG CO NHIỆT 12MM	NHẬP		M	7,500
ỐNG CO NHIỆT THANH CÁI 20MM-P20	MINJIN		M	7,500
ỐNG CO NHIỆT THANH CÁI 30MM-P30	MINJIN		M	11,875
ỐNG CO NHIỆT THANH CÁI 40MM-P40	MINJIN		M	16,250
ỐNG CO NHIỆT THANH CÁI 50MM-P50 (X;Đ; V ;ĐEN)	MINJIN		M	20,000
Solid State Relay- (Rơ le bán dẫn)				-
SSR-40AA-H (IN: 80-250V;OUT:24-380V)	FOTEK		CÁI	306,000
SSR-40DA-H (IN: 4-32V;OUT:24-380V)	FOTEK		CÁI	192,000
SSR-40-DA-H (IN: 3-32VDC; OUT: 24-380VAC)	SHINTEC		CÁI	95,040
SSR-40-DA-H (IN: 3-32VDC; OUT: 24-380VAC)	MINJIN		CÁI	174,000

SSR-40-AA (IN: 80-250VAC; OUT: 24-380VAC)	SHINTEC		CÁI	95,040
SSR-25-VA (IN: 500K/2W; OUT: 24-380VAC)	SHINTEC		CÁI	86,400
Relay Socket (Để rơ le thời gian)				
ĐỂ RƠ LE 11C TRÒN-20C/H	JANFA		CÁI	10,200
ĐỂ RƠ LE 8C TRÒN-20C/H	JANFA		CÁI	8,400
ĐỂ RƠ LE KIỀNG 14C NHỎ-10C/H	JANFA		CÁI	12,000
ĐỂ RƠ LE KIỀNG 14C LỚN -20C/H	JANFA		CÁI	30,000
ĐỂ RƠ LE KIỀNG 8C LỚN-20C/H	JANFA		CÁI	10,200
ĐỂ RƠ LE KIỀNG 8C NHỎ-20C/H	JANFA		CÁI	10,200
Industrian Relays (Rơ le trung gian)				-
RƠ LE KIỀNG 24V-11C TRÒN-20C/H-	JANFA		CÁI	37,500
RƠ LE KIỀNG 12V-8C TRÒN-20C/H	JANFA		CÁI	37,500
RƠ LE KIỀNG 24V-8C TRÒN-20C/H	JANFA		CÁI	37,500
RƠ LE KIỀNG-220v 8C TRÒN-20C/H	JANFA		CÁI	#VALUE!
RƠ LE KIỀNG -220v 11C TRÒN-20C/H	JANFA		CÁI	37,500
RƠ LE KIỀNG 220V-14C LỚN-20C/H	JANFA		CÁI	42,500
RƠ LE KIỀNG 24V-14C LỚN-20C/H,	JANFA		CÁI	42,500
RƠ LE KIỀNG 12V-14C LỚN-20C/H	JANFA		CÁI	42,500
RƠ LE KIỀNG 220V-8C LỚN-50C/H	JANFA		CÁI	26,000
RƠ LE KIỀNG 24V-8C LỚN-50C/H	JANFA		CÁI	26,000
RƠ LE KIỀNG 12V-8C LỚN-50C/H	JANFA		CÁI	26,000
RƠ LE KIỀNG 220V-14C NHỎ-50C/H-	JANFA		CÁI	19,500
RƠ LE KIỀNG 24V-14C NHỎ-50C/H-	JANFA		CÁI	26,000

RƠ LE KIỀNG ,12V-14C NHỎ-50C/H	JANFA		CÁI	26,000
RƠ LE KIỀNG 220V-8C NHỎ-50C/H	JANFA		CÁI	19,500
RƠ LE KIỀNG 24V-8C NHỎ-50C/H	JANFA		CÁI	19,500
RƠ LE KIỀNG 12V-8C NHỎ-50C/H	JANFA		CÁI	19,500
RƠ LE TRUNG GIAN, CÓ NÚT NHẤN TỰ NHẢ, KTRA TIẾP ĐIỂM-RXM4AB2P7-	SCHNEIDER		CÁI	195,500
Timer (Bộ đặt thời gian)				
TIMER DIGITAL-AH3D (220V)	CKHKC		CÁI	234,000
TIMER DIGITAL-ASY-3D (220V)	ANLY		CÁI	201,500
TIMER DH-48S-S , 2 CHẾ ĐỘ	MINJIN		CÁI	196,800
TIMER DH-48S-2Z , 1 CHẾ ĐỘ	MINJIN		CÁI	196,800
TIMER-AH2-Y (110V-10S)	CIKACHI		CÁI	262,500
TIMER KO TAI- CAH3N2 10S	JKN		CÁI	247,741
TIMER KO TAI- CAH3N2 30S	JKN		CÁI	247,741
TIMER KO TAI- CAH3N2 60S	JKN		CÁI	247,741
TIMER KO TAI- CAH3N2 10M	JKN		CÁI	247,741
TIMER KO TAI- CAH3N2 30M	JKN		CÁI	247,741

TIMER T48A (30S/30M/30H) SIZE 48 (24V-220V)	HANYOUNG		CÁI	265,440
TIMER T38A (60S/60M/60H) SIZE 38 (24V-220V)	HANYOUNG		CÁI	163,800
TIMER TWIN-TF62A (30S/30M/30H)	HANYOUNG		CÁI	338,520
TIMER TWIN-TF62NP-60D (60S/60M/60H)	HANYOUNG		CÁI	338,520
TIMER TWIN-TF62NP-6D (10S/10M/10H)	HANYOUNG		CÁI	338,520
BỘ ĐỊNH THỜI GIAN -TDVY-M6	FORTEK		CÁI	344,500
TIMER-T21-1-4A20 (8C-MINI)	HANYOUNG		CÁI	248,640
TIMER-T21-1-4A20 (14C-MINI)	HANYOUNG		CÁI	248,640
TIMER CHUYỀN SAO TAM GIÁC (0-30S) - TRD-N	JKN		CÁI	460,000
TIMER CHUYỀN Y-A -JSZ3Y (10S)-220v	CHINT		CÁI	193,752
TIMER CHUYỀN Y-A -JSZ3Y (30S)-220V	CHINT		CÁI	264,132
TIMER CHUYỀN Y-A -JSZ3Y (60S)-380V	CHINT		CÁI	193,752

TIMER ĐIỆN TỬ-KM-SW02	ST		CÁI	273,600
CÔNG TẮC ĐỒNG HỒ-TB118	PANASONIC		CÁI	694,575
CÔNG TẮC ĐỒNG HỒ-TB 35N	SHINTEC		CÁI	403,200
TIMER 24H-TB35N	CAMSCO		CÁI	241,500
TIMER TUẦN-WTS-3 (110V/220V)	JKN		CÁI	483,000
CÔNG TẮC THỜI GIAN -KG316T	CHINT		CÁI	279,202

TIMER -KG 316T (110V/220V)	KB		CÁI	144,000
PIN TIMER TB-35N	NHẬP		CÁI	56,250
Floatless Level Switch (Rơ le mực nước)				-
RƠ LE ĐIỀU KHIỂN MỰC NƯỚC-FS-3	HANYOUNG		CÁI	247,632
RƠ LE ĐIỀU KHIỂN MỰC NƯỚC-JLC-1	JKN		CÁI	339,250
RƠ LE ĐIỀU KHIỂN MỰC NƯỚC-8CTR-C22-M5	YOUNGSUNG		CÁI	384,836
RƠ LE MỰC NƯỚC- (AFR-1 220V)	MINJIN		CÁI	216,000

RƠ LE MỨC NƯỚC- (C61F-GP 220V)	CKHKC		CÁI	150,000
RƠ LE MỨC NƯỚC- (C61F-GP 220V)	PINDI		CÁI	186,000
PHASE CONTROLLER (RƠ LE BẢO VỆ MẮT PHA)				-
RƠ LE BẢO VỆ MẮT PHA (APR-4)	PINDI		CÁI	322,000
RƠ LE BẢO VỆ MẮT PHA (APR-4)	MINJIN		CÁI	368,000
RƠ LE BẢO VỆ MẮT PHA (LAPR-4)	LIRRD		CÁI	240,000
RƠ LE BẢO VỆ PHA JVM-2	JKN		CÁI	604,800

BẢO VỆ MẤT PHA, THỨ TỰ PHA, CÂN BẰNG PHA- XJ3-G	CHINT		CÁI	182,160
BẢO VỆ MẤT PHA, BẢO VỆ CÂN BẰNG PHA, BẢO VỆ QUÁ ÁP, THẤP ÁP-NJYB3-8	CHINT		CÁI	281,934
Proximity Sensor (Cảm biến điện dung)				-
CẢM BIẾN ĐIỆN DUNG -CR18-8AC (100-240V AC)-THƯỜNG ĐÓNG	AUTONICS		CÁI	922,432
CẢM BIẾN ĐIỆN DUNG -CR18-8AO (100-240V AC)-THƯỜNG MỞ	AUTONICS		CÁI	922,432
CẢM BIẾN ĐIỆN DUNG -CR30-15DN (100-240V) LOẠI AO THƯỜNG ĐÓNG- TRÒN 2 DÂY (PHÁT HIỆN 15MM)	AUTONICS		CÁI	909,440
CẢM BIẾN ĐIỆN DUNG -CR30-15DN (12-24V DC)- TRÒN 3 DÂY	AUTONICS		CÁI	909,440
Photo sensor (Cảm biến quang)				-
CẢM BIẾN QUANG-A3R-1MX- LOẠI PHẢN XẠ KHUẾCH TÁN	FOTEK		CÁI	548,352
CẢM BIẾN QUANG-A3G-2MR- LOẠI PHẢN XẠ KHUẾCH TÁN	FOTEK		CÁI	647,360

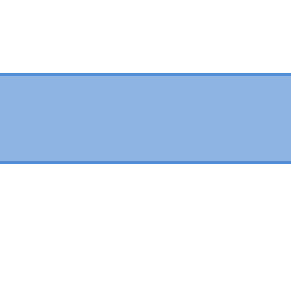
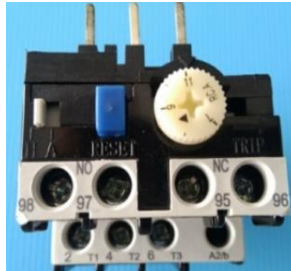
CẢM BIẾN QUANG- PEN-T10A (LOẠI THU & PHÁT)-NGUỒN CẤP 24V--240V AC/DC	FOTEK		CÁI	604,800
CẢM BIẾN QUANG -BX700 DFR-T	AUTONICS		CÁI	1,187,424
CẢM BIẾN QUANG -CDR-10X (10-30VCD-TRÒN 3 DÂY)- KC : 100MM	SHINTEC		CÁI	453,600
CẢM BIẾN QUANG -CDR-40X (10-30VCD-TRÒN 3 DÂY)- KC : 400MM	SHINTEC		CÁI	504,000
BỘ ĐIỀU KHIỂN SENSOR-C-6	FOTEK		CÁI	209,185
BỘ ĐK CẢM BIẾN-PA-12 (sensor controller)	AUTONICS		CÁI	427,214
Proximity Sensor- (Cảm biến tiệm cận)				-
CẢM BIẾN TIỆM CẬN-UP18RD-8AA(HANYOUNG)-220V	HANYOUNG		CÁI	386,400
CẢM BIẾN TIỆM CẬN-UP18RD-8AC(HANYOUNG)-220V	HANYOUNG		CÁI	386,400

CẢM BIẾN TIỆM CẬN- PL05P (LOẠI PNP 10-30VDC)- KHOẢNG CÁCH 5mm; NGỒ RA NO	FOTEK		CÁI	125,460
CẢM BIẾN TIỆM CẬN- PL05N (LOẠI NPN 10-30VDC)- KHOẢNG CÁCH 5mm; NGỒ RA PNP	FOTEK		CÁI	125,460
CẢM BIẾN TIỆM CẬN P18- SN04-N (LOẠI NPN 10-30VDC)- KHOẢNG CÁCH 5mm; OUTPUT NPN	MEIRDE		CÁI	52,000
CẢM BIẾN TIỆM CẬN (KIM LOẠI)-PR 30-15AC 15MM-NC 110-220V (LOẠI NC)- CÓ VẬT CHẠY QUA THÌ ĐÓNG TIẾP ĐIỂM LẠI	AUTONICS		CÁI	431,424
CẢM BIẾN TIỆM CẬN (KIM LOẠI)-PR 30-15AC 15MM-NC 110-220V (LOẠI NO)- CÓ VẬT CHẠY QUA THÌ MỞ TIẾP ĐIỂM LẠI	AUTONICS		CÁI	431,424
COUNTER- BỘ ĐẾM				-
COUNTER- BỘ ĐẾM H5T-4D (48x48)-90-250V	FOTEK		CÁI	728,000
COUNTER-BỘ ĐẾM- JDM11-5H -220V	NHẬP		CÁI	187,500
MCCB (ÁP TÔ MẮT)- SECONHAND				-
ATM 3P-50A SECONHAND	NHẬP		CÁI	141,600

ATM 3P-75A SECONHAND	NHẬT		CÁI	271,400
ATM 3P-100A SECONHAND	NHẬT		CÁI	271,400
ATM 3P-150A SECONHAND	NHẬT		CÁI	354,000
ATM 3P-200A SECONHAND	NHẬT		CÁI	354,000
ATM 3P-250A SECONHAND	NHẬT		CÁI	354,000
ATM 3P-300A SECONHAND	NHẬT		CÁI	708,000
ATM 3P-400A SECONHAND	NHẬT		CÁI	767,000
ATM 3P-600A SECONHAND	NHẬT		CÁI	1,593,000
Magnetic Contactor (Khởi động từ)-SECONHAND				-
KĐT-11A- SECONHAND	NHẬT		CÁI	94,400
KĐT-12A- SECONHAND	NHẬT		CÁI	118,000
KĐT-16A- SECONHAND	NHẬT		CÁI	153,400
KĐT-18A- SECONHAND	NHẬT		CÁI	153,400
KĐT-25A- SECONHAND	NHẬT		CÁI	354,000
KĐT-35A- SECONHAND	NHẬT		CÁI	354,000
KĐT-65A- SECONHAND	NHẬT		CÁI	472,000
KĐT-80A- SECONHAND	NHẬT		CÁI	767,000
KĐT-100A- SECONHAND	NHẬT		CÁI	944,000
KĐT-125A- SECONHAND	NHẬT		CÁI	1,298,000
KĐT-150A- SECONHAND	NHẬT		CÁI	1,888,000
Magnetic Contactor (Khởi động từ)				-
KHỞI ĐỘNG TỪ COIL220V 9A LS	LS		CÁI	232,470
KHỞI ĐỘNG TỪ COIL220V 12A LS	LS		CÁI	273,240
KHỞI ĐỘNG TỪ COIL220V 18A LS	LS		CÁI	392,040
KHỞI ĐỘNG TỪ COIL220V 22A LS	LS		CÁI	459,270
KHỞI ĐỘNG TỪ COIL220V 32A LS	LS		CÁI	694,980
KHỞI ĐỘNG TỪ COIL220V 40A LS	LS		CÁI	793,800
KHỞI ĐỘNG TỪ COIL220V 50A LS	LS		CÁI	1,043,280
KHỞI ĐỘNG TỪ COIL220V 65A LS	LS		CÁI	1,168,020
KHỞI ĐỘNG TỪ COIL220V 85A LS	LS		CÁI	1,587,600
KHỞI ĐỘNG TỪ COIL220V 100A LS	LS		CÁI	2,185,920
KHỞI ĐỘNG TỪ COIL220V 130A LS	LS		CÁI	2,649,240
KHỞI ĐỘNG TỪ COIL220V 150A LS	LS		CÁI	3,385,800
KHỞI ĐỘNG TỪ COIL220V 185A LS	LS		CÁI	4,205,520
KHỞI ĐỘNG TỪ COIL380V 9A LS	LS		CÁI	243,540
KHỞI ĐỘNG TỪ COIL380V 12A LS	LS		CÁI	273,240
KHỞI ĐỘNG TỪ COIL380V 18A LS	LS		CÁI	392,040
KHỞI ĐỘNG TỪ COIL380V 22A LS	LS		CÁI	481,140
KHỞI ĐỘNG TỪ COIL380V 32A LS	LS		CÁI	694,980
KHỞI ĐỘNG TỪ COIL380V 40A LS	LS		CÁI	831,600
KHỞI ĐỘNG TỪ COIL380V 50A LS	LS		CÁI	1,092,960
KHỞI ĐỘNG TỪ COIL380V 65A LS	LS		CÁI	1,223,640
Thermal Overload Relay Therm (Rơ le nhiệt)				-

RƠ LE NHIỆT 1-1,6A LS	LS		CÁI	279,180
RƠ LE NHIỆT 1,6-2,5A LS	LS		CÁI	279,180
RƠ LE NHIỆT 2,5-4A LS	LS		CÁI	266,490
RƠ LE NHIỆT 4-6A LS	LS		CÁI	279,180
RƠ LE NHIỆT 5-8A LS	LS		CÁI	279,180
RƠ LE NHIỆT 6-9A LS	LS		CÁI	279,180
RƠ LE NHIỆT 7-10A LS	LS		CÁI	279,180
RƠ LE NHIỆT 9-13A LS	LS		CÁI	279,180
RƠ LE NHIỆT 12-18A LS	LS		CÁI	279,180
RƠ LE NHIỆT 16-22A LS	LS		CÁI	279,180
RƠ LE NHIỆT 18-25A LS	LS		CÁI	279,180
RƠ LE NHIỆT 22-32A LS	LS		CÁI	279,180
RƠ LE NHIỆT 28-40A LS	LS		CÁI	279,180
RƠ LE NHIỆT 34-50A LS	LS		CÁI	534,600
RƠ LE NHIỆT 45-65A LS	LS		CÁI	534,600
RƠ LE NHIỆT 54-75A LS	LS		CÁI	902,880
RƠ LE NHIỆT 63-85A LS	LS		CÁI	902,880
RƠ LE NHIỆT 70-95A LS	LS		CÁI	902,880
RƠ LE NHIỆT 80-100A LS	LS		CÁI	902,880
RƠ LE NHIỆT 95-130A LS	LS		CÁI	1,318,680
RƠ LE NHIỆT 110-150A LS	LS		CÁI	1,318,680
Moulded Case Circuit Breaker (Áp tô mát - MCCB)				-
MCCB 2P-10A LS	LS		CÁI	534,600
MCCB 2P-20A LS	LS		CÁI	534,600
MCCB 2P-30A LS	LS		CÁI	534,600
MCCB 2P-40A LS	LS		CÁI	534,600
MCCB 2P-50A LS	LS		CÁI	534,600
MCCB 2P-60A LS	LS		CÁI	588,060
MCCB 2P-75A LS	LS		CÁI	689,040
MCCB 2P-100A LS	LS		CÁI	1,277,100
MCCB 2P-125A LS	LS		CÁI	1,277,100
MCCB 2P-150A LS	LS		CÁI	1,277,100
MCCB 2P-175A LS	LS		CÁI	1,277,100
MCCB 2P-200A	LS		CÁI	1,277,100
MCCB 2P-250A LS	LS		CÁI	1,277,100
MCCB 3P-20A LS	LS		CÁI	611,820
MCCB 3P-30A LS	LS		CÁI	679,800
MCCB 3P-40A LS	LS		CÁI	611,820
MCCB 3P-50A LS	LS		CÁI	611,820
MCCB 3P-60A LS	LS		CÁI	700,920
MCCB 3P-75A LS	LS		CÁI	813,780
MCCB 3P-100A LS	LS		CÁI	904,200
MCCB 3P-125A LS	LS		CÁI	1,544,400
MCCB 3P-150A LS	LS		CÁI	1,544,400
MCCB 3P-175A LS	LS		CÁI	1,544,400
MCCB 3P-200A LS	LS		CÁI	1,544,400
MCCB 3P-250A LS	LS		CÁI	1,544,400
MCCB 3P -300A LS	LS		CÁI	3,861,000

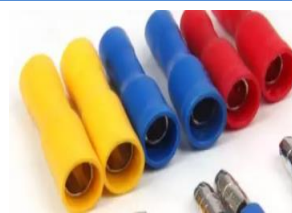
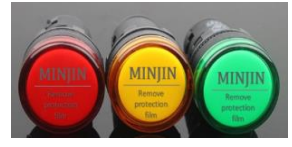
MCCB 3P- 400A LS	LS		CÁI	3,861,000
MCCB 3P- 500A LS	LS		CÁI	7,401,240
MCCB 3P- 630A LS	LS		CÁI	7,401,240
MCCB 3P- LOẠI KHỎI CHỈNH DÒNG (100;125A)-ABS103c FMU	LS		CÁI	2,227,500
MCCB 3P- LOẠI KHỎI CHỈNH DÒNG (160;200;250A)-ABS203cFMU	LS		CÁI	2,494,800
Miniature Circuit Breaker (MCB- CB Tép)				-
CHỐNG GIẬT 3P-LS 60; 75; 100A(EBN103C)	LS		CÁI	1,603,800
CẦU DAO CHỐNG DÒNG RÒ 4P-150A -NV250-SV-4P 150	MITSUBISHI		CÁI	6,579,360
KHỞI ĐỘNG TỪ HỘP- P11 PB- COIL 220V; 0,5HP-0,9-1,5A	SHINLIN		CÁI	495,418
KHỞI ĐỘNG TỪ HỘP- P11 PB- COIL 220V; 1,5HP-1,6-2,6A	SHINLIN		CÁI	495,418
KHỞI ĐỘNG TỪ HỘP- P11 PB- COIL 220V; 2HP- 2,5-4,1A	SHINLIN		CÁI	495,418
KHỞI ĐỘNG TỪ HỘP- P11 PB- COIL 220V; 3HP- 3,4-5,4A	SHINLIN		CÁI	495,418
KHỞI ĐỘNG TỪ HỘP- P11 PB- COIL 220V; 4HP- 5-8A	SHINLIN		CÁI	495,418
KHỞI ĐỘNG TỪ HỘP- P11 PB- COIL 220V; 5,5HP-7-11A	SHINLIN		CÁI	495,418
KHỞI ĐỘNG TỪ HỘP- P11 PB-COIL 220V; 1HP- 2,5-4,1A	SHINLIN		CÁI	495,418
KHỞI ĐỘNG TỪ HỘP- P16PB- COIL 220V; 10HP-12-18A	SHINLIN		CÁI	588,967
KHỞI ĐỘNG TỪ HỘP- P21PB- COIL 220V; 15HP-17-24A	SHINLIN		CÁI	654,847
KHỞI ĐỘNG TỪ HỘP- P35PB- COIL 220V; 20HP-22-34A	SHINLIN		CÁI	1,143,018

MCCB 2P-(5,10,15,20,30)A	SHINLIN		CÁI	418,997
MCCB 2P-(40, 50)A	SHINLIN		CÁI	577,768
MCCB 2P-(60; 75; 100)A	SHINLIN		CÁI	607,414
MCCB 2P-(250; 300; 400)A	SHINLIN		CÁI	3,060,785
MCCB 3P-(5;10;15;20;30)A	SHINLIN		CÁI	452,596
MCCB 3P-(40; 50)A	SHINLIN		CÁI	580,403
MCCB 3P-(60; 75;100)A	SHINLIN		CÁI	731,927
MCCB 3P- (125)A	SHINLIN		CÁI	882,792
MCCB 3P- (150;175;200;250)A	SHINLIN		CÁI	1,560,697
MCCB 3P- (300;350;400)A	SHINLIN		CÁI	3,635,258
MCCB 3P- (500;600;630)A	SHINLIN		CÁI	8,852,954
KHỞI ĐỘNG TỪ -SP 09-9A	SHINLIN		CÁI	195,005
KHỞI ĐỘNG TỪ -SP 11-12A	SHINLIN		CÁI	228,604
KHỞI ĐỘNG TỪ -SP 16-18A	SHINLIN		CÁI	333,353
KHỞI ĐỘNG TỪ -SP 21-21A	SHINLIN		CÁI	346,529
KHỞI ĐỘNG TỪ -SP 30T-30A	SHINLIN		CÁI	465,113
KHỞI ĐỘNG TỪ -SP 35T-35A	SHINLIN		CÁI	498,053
KHỞI ĐỘNG TỪ -SP 40T-40A	SHINLIN		CÁI	815,594
KHỞI ĐỘNG TỪ -SP 50T-52A	SHINLIN		CÁI	996,764
KHỞI ĐỘNG TỪ -SP 60T-65A	SHINLIN		CÁI	1,071,868
KHỞI ĐỘNG TỪ -SP 80T-80A	SHINLIN		CÁI	1,536,980
KHỞI ĐỘNG TỪ -SP 100T-105A	SHINLIN		CÁI	1,721,444
KHỞI ĐỘNG TỪ -SP 125T-130A	SHINLIN		CÁI	2,415,161
KHỞI ĐỘNG TỪ -SP 150T-160A	SHINLIN		CÁI	3,187,274
Thermal Overload Relay Therm (Rơ le nhiệt)				-
RƠ LE NHIỆT 1,3-2,1A	SHINLIN		CÁI	191,711
RƠ LE NHIỆT 1,6-2,6A	SHINLIN		CÁI	180,511
RƠ LE NHIỆT 2,5-4,1A	SHINLIN		CÁI	180,511
RƠ LE NHIỆT 3,4-5,4A	SHINLIN		CÁI	180,511
RƠ LE NHIỆT 5-8A	SHINLIN		CÁI	180,511
RƠ LE NHIỆT 7-11A (P12)	SHINLIN		CÁI	180,511
RƠ LE NHIỆT 7-11A (P20)	SHINLIN		CÁI	180,511
RƠ LE NHIỆT 9-13A	SHINLIN		CÁI	180,511
RƠ LE NHIỆT 12-18A (P20)	SHINLIN		CÁI	180,511
RƠ LE NHIỆT 17-24A	SHINLIN		CÁI	203,569
RƠ LE NHIỆT 22-34A	SHINLIN		CÁI	222,016
RƠ LE NHIỆT 28-38A	SHINLIN		CÁI	292,507
RƠ LE NHIỆT 32-48A (P60)	SHINLIN		CÁI	292,507

RƠ LE NHIỆT 43-65A	SHINLIN		CÁI	292,507
RƠ LE NHIỆT 54-80A	SHINLIN		CÁI	337,964
RƠ LE NHIỆT 60-100A	SHINLIN		CÁI	573,156
RƠ LE NHIỆT 80-130A	SHINLIN		CÁI	849,852
RƠ LE NHIỆT 100-160A	SHINLIN		CÁI	849,852
KẾT KÉP -RC-11C (DỪNG CỬA CUỐN)	SHINLIN		CÁI	693,716
KẾT NXC- 9A	CHINT		CÁI	131,252
KẾT NXC- 12A	CHINT		CÁI	139,194
KẾT NXC- 18A	CHINT		CÁI	150,480
KẾT NXC- 22A	CHINT		CÁI	161,348
KẾT NXC- 32A	CHINT		CÁI	288,002
KẾT NXC- 40A	CHINT		CÁI	445,588
KẾT NXC- 50A	CHINT		CÁI	487,806
KẾT NXC- 65A	CHINT		CÁI	601,502
KẾT NXC- 85A	CHINT		CÁI	858,154
KẾT NXC- 100A	CHINT		CÁI	976,030
RƠ LE NHIỆT (0,63-1; 1-1.6; 1.25-2; 1.6-2,5; 2.5-4; 4-6; 5.5-8; 7-10; 9-13; 12-18; 17-25)	CHINT		CÁI	144,628
RƠ LE NHIỆT (23-32; 30-38)	CHINT		CÁI	180,576
RƠ LE NHIỆT (37-50; 48-65; 55-70)	CHINT		CÁI	288,002
RƠ LE NHIỆT (63-80; 80-93;)	CHINT		CÁI	318,098
RƠ LE NHIỆT (80-100)	CHINT		CÁI	334,400
KHỞI ĐỘNG TỪ- MITSUBISHI				-
ST-12 (AC 200-240V)	MITSU		CÁI	241,380
ST-20 (AC 200-240V)	MITSU		CÁI	359,640
ST-25 (AC 200-240V)	MITSU		CÁI	474,120
ST-35 (AC 200-240V)	MITSU		CÁI	552,960
ST-50 (AC 200-240V)	MITSU		CÁI	1,108,080
ST-65 (AC 200-240V)	MITSU		CÁI	1,166,400
ST-80 (AC 200-240V)	MITSU		CÁI	1,718,750
ST-100 (AC 200-240V)	MITSU		CÁI	1,931,040
RƠ LE NHIỆT- MITSUBISHI				-
TH-TỪ 1A ĐẾN 13A	MITSU		CÁI	175,500
TH-12-18A	MITSU		CÁI	199,260
TH-18-26A	MITSU		CÁI	223,560
TH-24-34A	MITSU		CÁI	247,860
TH-30--40A	MITSU		CÁI	247,860
TH-34-50A	MITSU		CÁI	247,860
TH-43-65A	MITSU		CÁI	327,780
TH-54-80A	MITSU		CÁI	362,340

TH-65-100A	MITSU		CÁI	362,340
TH-85-105A	MITSU		CÁI	362,340
CÁC PHỤ KIỆN CHO TỦ ĐIỆN				
KIỀM BẮM HS-8 (1.25-8mm ²)	MINJIN		CÁI	165,600
KIỀM BẮM HS-22 (5,5-22mm ²)	MINJIN		CÁI	291,600
KÌM BẮM COS TLA-TH-14 -(1,25-14)mm ²	TLA		CÁI	324,473
KÌM BẮM COS TLA-TH-25 -(5,5-22)mm ²	TLA		CÁI	447,925
KÌM BẮM COS TLA-TH-8 -(1,25-8)mm ²	TLA		CÁI	300,438
Terminal block (Thanh domino)				-
ĐÔ MI NÔ 10A-10P	HANYOUNG		CÁI	32,760
ĐÔ MI NÔ 20A-3P	HANYOUNG		CÁI	17,640
ĐÔ MI NÔ 20A-4P	HANYOUNG		CÁI	19,320
ĐÔ MI NÔ 20A-6P	HANYOUNG		CÁI	26,040
ĐÔ MI NÔ 20A-10P	HANYOUNG		CÁI	41,160
ĐÔ MI NÔ 20A-12P	HANYOUNG		CÁI	50,400
ĐÔ MI NÔ 20A-15P	HANYOUNG		CÁI	63,000
ĐÔ MI NÔ 20A-20P	HANYOUNG		CÁI	79,800
ĐÔ MI NÔ 30A-3P	HANYOUNG		CÁI	22,680
ĐÔ MI NÔ 30A-4P	HANYOUNG		CÁI	28,560
ĐÔ MI NÔ 30A-6P	HANYOUNG		CÁI	39,480
ĐÔ MI NÔ 30A-10P	HANYOUNG		CÁI	62,160
ĐÔ MI NÔ 60A-3P	HANYOUNG		CÁI	62,160
ĐÔ MI NÔ 60A-4P	HANYOUNG		CÁI	78,120
ĐÔ MI NÔ 100A-4P	HANYOUNG		CÁI	168,000
ĐÔ MI NÔ 150A-3P	HANYOUNG		CÁI	176,400
ĐÔ MI NÔ 150A-4P	HANYOUNG		CÁI	226,800
ĐÔ MI NÔ 200A-3P	HANYOUNG		CÁI	235,200
ĐÔ MI NÔ 200A-4P	HANYOUNG		CÁI	302,400
ĐÔ MI NÔ 300A-3P	HANYOUNG		CÁI	420,000
ĐÔ MI NÔ 300A-4P	HANYOUNG		CÁI	554,400
THANH TRUNG TÍNH 12P-16A	NHẬP		CÁI	28,750

THANH TRUNG TÍNH 16P-16A	NHẬP		CÁI	24,000
THANH TRUNG TÍNH 22P-16A	NHẬP		CÁI	29,000
THANH NHÔM 1M (LOẠI DÀY)	MINJIN		CÂY	22,500
MIẾNG CHẶN CUỐI THANH RAY	MINJIN		CÁI	3,750
KHÓA TỦ ĐIỆN-CHÌA MS490 ĐEN	JANFA		CÁI	62,500
COSS CHỈA- SV1,25 -3	NP		BỊT	18,000
COSS CHỈA -SV2-3	NP		BỊT	19,200
COSS CHỈA- SV3,5-5	NP		BỊT	42,000
COSS CHỈA- SV5,5-5	NP		BỊT	48,000
COSS TRÒN -RV1,25-3	NP		BỊT	19,200
COSS TRÒN- RV2-4	NP		BỊT	19,200
COSS TRÒN- RV3,5-5	NP		BỊT	42,000
COSS TRÒN- RV5,5-5	NP		BỊT	54,000
COSS PIN TRÒN PTV- 1.25 (100C)	NP		BỊT	34,800
COSS PIN TRÒN PTV-2 (100C)	NP		BỊT	39,600
COSS PIN TRÒN PTV-5.5 (100C)	NP		BỊT	79,200
COSS PIN RỘNG E-2508 (100C)	NP		BỊT	10,800

COSS PIN RỒNG E-6012 (100C)	NP		BỊT	24,000
COSS PIN RỒNG E-16-12 (100C)	NP		BỊT	40,800
COSS ĐỰC -MPD 1,25	LD		BỊT	42,000
COSS ĐỰC -MPD 2	LD		BỊT	44,400
COSS ĐỰC -MPD 5	LD		BỊT	55,200
COSS CÁI -FRD-1.25	LD		BỊT	42,000
COSS CÁI -FRD-2	LD		BỊT	45,600
COSS CÁI -FRD-5	LD		BỊT	56,400
COSS GHIM CAPA- FDD1,25	NP		BỊT	34,800
COSS GHIM CAPA- FDD2	NP		BỊT	43,200
COSS GHIM CAPA- FDD5,5	NP		BỊT	55,200
Pilot Light (Đèn báo)				-
ĐÈN BÁO LED PHI 22-220V ĐỎ	NHẬP		CÁI	14,040
ĐÈN BÁO LED PHI 22-220V VÀNG	NHẬP		CÁI	14,040
ĐÈN BÁO LED PHI 22-220V XANH	NHẬP		CÁI	14,040
ĐÈN BÁO LED PHI 22-220V (X,Đ,V)	MINJIN		CÁI	5,850
ĐÈN BÁO LED HIỂN THỊ VOL (XANH; ĐỎ ; VÀNG)-PHI 22	NHẬP		CÁI	41,400
CÒI BÁO ĐÈN LED - (24V & 220V)	NHẬP		CÁI	46,250

CÒI BÁO ĐÈN LED - (24V & 220V)-256-MA	HANYOUN G		CÁI	112,000
CÒI BÁO -DC 12V 20W (SIREN HORN)	VIAIR		CÁI	150,000
ĐÈN CHỚP QUAY- 1083 (220V)-ĐỎ	LTE		CÁI	100,000
ĐÈN CHỚP QUAY- 1083 (220V)-VÀNG	LTE		CÁI	85,000
ĐỒNG HỒ VOLT AMPER ĐT -MT4W-AA-41 (SIZE: 96x48)	AUTONICS		CÁI	1,618,618
ĐỒNG HỒ VOLT AMPER ĐT -MT4W-AA-40 (SIZE: 96x48)	AUTONICS		CÁI	1,880,453
ĐỒNG HỒ VOLT AMPER ĐT -MT4Y-AA-4N (SIZE : 72x36)	AUTONICS		CÁI	987,624
ĐỒNG HỒ BÁO AMPER SIZE 50 (30A)	NHẬP		CÁI	53,784
ĐỒNG HỒ BÁO AMPER SIZE 72 (300A)	DIXEN		CÁI	122,400
ĐỒNG HỒ BÁO VOL SIZE 72(500V)	DIXEN		CÁI	122,400
ĐỒNG HỒ BÁO VOL SIZE 80 (300V)	NP		CÁI	48,600

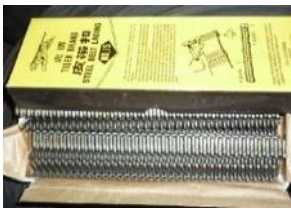
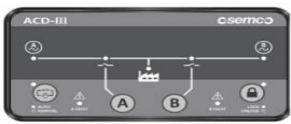
ĐỒNG HỒ BÁO VOL SIZE 80 (500V)	NP		CÁI	48,600
ĐỒNG HỒ BÁO VOL SIZE 80 (500V)	KYE		CÁI	96,000
ĐỒNG HỒ BÁO VOL SIZE 80 (300V)	KYE		CÁI	96,000
ĐỒNG HỒ BÁO VOL SIZE 80 (300V; 500V)	BEW		CÁI	174,960
ĐỒNG HỒ BÁO AMPER SIZE 80 (50)A	KYE		CÁI	96,000
ĐỒNG HỒ BÁO AMPER SIZE 80 (30)A	KYE		CÁI	96,000
ĐỒNG HỒ BÁO AMPER SIZE 80 (400A)	NP		CÁI	57,240
ĐỒNG HỒ BÁO AMPER SIZE 80 (300A)	NP		CÁI	57,240
ĐỒNG HỒ BÁO AMPER SIZE 80 (200A)	NP		CÁI	57,240
ĐỒNG HỒ BÁO AMPER SIZE 80 (30; 50; 100;200; 300)A	BEW		CÁI	158,760
ĐỒNG HỒ BÁO VOL SIZE 96 (500V)	NP		CÁI	106,920
ĐỒNG HỒ BÁO AMPER SIZE 96 (200A)	NP		CÁI	106,920
ĐỒNG HỒ BÁO AMPER SIZE 96 (150A)	TAIWAN		CÁI	156,000
ĐỒNG HỒ BÁO AMPER SIZE 96 (300A)	NP		CÁI	106,920
ĐỒNG HỒ BÁO AMPER SIZE 96 (400A)	NP		CÁI	106,920
ĐỒNG HỒ BÁO AMPER SIZE 96 (500A)	NP		CÁI	106,920

ĐỒNG HỒ BÁO AMPER SIZE 96 (300A)	DIXSEN		CÁI	128,400
ĐỒNG HỒ BÁO TẦN SỐ SIZE 96	BEW		CÁI	818,550
ĐỒNG HỒ BÁO TẦN SỐ SIZE 80	BEW		CÁI	722,250
DÂY XOẮN -SWB-6-10M/B	NP		BỊT	16,875
DÂY XOẮN -SWB-8-10M/B	NP		BỊT	20,250
DÂY XOẮN -SWB-10-10M/B	NP		BỊT	24,750
DÂY XOẮN -SWB-12-10M/B	NP		BỊT	34,875
DÂY XOẮN -SWB-15-10M/B	NP		BỊT	46,125
DÂY XOẮN -SWB-19-10M/B	NP		BỊT	81,000
DÂY XOẮN -SWB-24-10M/B	NP		BỊT	119,250
SÚ ĐỖ SM 25-20C/H	NP		CÁI	5,850
SÚ ĐỖ SM 30 -10C/H	NP		CÁI	8,658
SÚ ĐỖ SM 35 -10C/H	NP		CÁI	9,009
SÚ ĐỖ SM 40 -10C/H	NP		CÁI	11,583
SÚ ĐỖ SM 51 -10C/H	NP		CÁI	12,870
SÚ ĐỖ SM 76 -6C/H	NP		CÁI	25,740
SÚ ĐỖ THANH CÁI EL-180B (3RÃNH-10LY)	NHẬP		CÁI	41,250
SÚ ĐỖ THANH CÁI EL-295 (4 RÃNH-11LY)			CÁI	122,500
ỐC XIẾT CỐ ĐỊNH DÂY- PG7	NP		CÁI	995
ỐC XIẾT CỐ ĐỊNH DÂY- PG9	NP		CÁI	1,404
ỐC XIẾT CỐ ĐỊNH DÂY- PG11	NP		CÁI	1,755
ỐC XIẾT CỐ ĐỊNH DÂY- PG13,5	NP		CÁI	1,872
ỐC XIẾT CỐ ĐỊNH DÂY- PG16	NP		CÁI	2,223
ỐC XIẾT CỐ ĐỊNH DÂY- PG19	NP		CÁI	2,691

ỐC XIẾT CỐ ĐỊNH DÂY- PG21	NP		CÁI	3,627
ỐC XIẾT CỐ ĐỊNH DÂY- PG25	NP		CÁI	4,446
ỐC XIẾT CỐ ĐỊNH DÂY- PG29	NP		CÁI	6,084
ỐC XIẾT CỐ ĐỊNH DÂY- PG36	NP		CÁI	10,764
ỐC XIẾT CỐ ĐỊNH DÂY- PG42	NP		CÁI	15,210
ỐC XIẾT CỐ ĐỊNH DÂY- PG48	NP		CÁI	21,060
CHỤP ĐẦU COS-V2,5-100C/B	NP		CÁI	64
CHỤP ĐẦU COS-V5,5-COS6	NP		CÁI	105
CHỤP ĐẦU COS-V8-COS 10	NP		CÁI	135
CHỤP ĐẦU COS-V14-COS16	NP		CÁI	234
CHỤP ĐẦU COS-V22-COS25	NP		CÁI	351
CHỤP ĐẦU COS-V38-COS 35	NP		CÁI	538
CHỤP ĐẦU COS-V60-COS 50	NP		CÁI	725
CHỤP ĐẦU COS-V80 -COS 70	NP		CÁI	1,123
CHỤP ĐẦU COS-V100 -COS 95	NP		CÁI	1,638
CHỤP ĐẦU COS-V125-COS 120	NP		CÁI	1,872
CHỤP ĐẦU COS-V150 -COS 150	NP		CÁI	2,223
CHỤP ĐẦU COS-V200 -COS 185	NP		CÁI	3,042
CHỤP ĐẦU COS-V250-COS 240	ĐTP		CÁI	4,914
CHỤP ĐẦU COS-V300-COS 300	ĐTP		CÁI	5,265
BIẾN DÒNG RCT 35-100A	SHINTEC		CÁI	93,960
BIẾN DÒNG RCT 35-150A	SHINTEC		CÁI	93,960
BIẾN DÒNG RCT 35-200A	SHINTEC		CÁI	93,960
BIẾN DÒNG RCT 35-300A	SHINTEC		CÁI	93,960
BIẾN DÒNG RCT 40-400A	SHINTEC		CÁI	124,200
BIẾN DÒNG RCT 58-500A	SHINTEC		CÁI	124,200
BIẾN DÒNG RCT 58-600A	SHINTEC		CÁI	124,200
BIẾN DÒNG RCT 90-800A	SHINTEC		CÁI	194,400
BIẾN DÒNG RCT 90-1000A	SHINTEC		CÁI	216,000
BIẾN DÒNG 150/5A-ẤN ĐỘ	PRECISE		CÁI	153,360
BIẾN DÒNG MBH-30 100/5A	MASTER		CÁI	127,920
NẸP LỖ 25x25 (1,7m/cây)-50c/b	TP		CÂY	27,288
NẸP LỖ 25x45 (1,7m/cây)-30c/b	TP		CÂY	35,916
NẸP LỖ 35x35(1,7m/cây)-30c/b	TP		CÂY	37,465

NẸP LỖ 35x45 (1,7m/cây)-20c/b	TP		CÂY	41,300
NẸP LỖ 45x45 (1,7m/cây)-20c/b	TP		CÂY	47,938
NẸP LỖ 45x65 (1,7m/cây)-20c/b	TP		CÂY	59,000
NẸP LỖ 65x65 (1,7m/cây)-12c/b	TP		CÂY	72,275
THANH CÁI ĐỒNG; 3P x 4ly x 1m (1M=1,62KG)	NHẬP		THANH H	317,576
THANH CÁI ĐỒNG; 4P x 4ly x 1m (1M=2,15KG)	NHẬP		THANH H	424,424
THANH CÁI ĐỒNG; 5P x 4ly x 1m (1M=2,7KG)	NHẬP		THANH H	528,304
THANH CÁI ĐỒNG; 3P x 5ly x 1m (1M=1,62KG)	NHẬP		THANH H	397,712
THANH CÁI ĐỒNG; 4P x 5ly x 1m (1M=2,15KG)	NHẬP		THANH H	531,272
THANH CÁI ĐỒNG; 5P x 5ly x 1m (1M=2,7KG)	NHẬP		THANH H	664,832
THANH CÁI ĐỒNG; 3P x 6ly x 1m (1M=1,62KG)	NHẬP		THANH H	480,816
THANH CÁI ĐỒNG; 4P x 6ly x 1m (1M=2,15KG)	NHẬP		THANH H	638,120
THANH CÁI ĐỒNG; 5P x 6ly x 1m (1M=2,7KG)	NHẬP		THANH H	801,360
PHÍP TỬ ĐIỆN; MÀU CAM BAKELITE (NGANG 1Mx DÀI 2M)- DÀY 3LY	NHẬP		TẤM	990,000
PHÍP TỬ ĐIỆN; MÀU CAM BAKELITE (NGANG 1Mx DÀI 2M)- DÀY 5LY	NHẬP		TẤM	1,485,000
PHÍP TỬ ĐIỆN; MÀU CAM BAKELITE (NGANG 1Mx DÀI 2M)- DÀY 10LY	NHẬP		TẤM	2,970,000
QUẠT HÚT SẮT - 80 (50c/th)	JANFA		CÁI	95,040
QUẠT HÚT SẮT - 120x120x38 (40C/TH)	JANFA		CÁI	103,680
QUẠT HÚT SẮT - 150x150x50 (24c/th)	JANFA		CÁI	233,640
QUẠT HÚT SẮT - 200x200x60 (10c/th)	NP		CÁI	541,620
QUẠT SẮT 48V-150x150	JANFA		CÁI	147,500
QUẠT SẮT 12V-90X90	JANFA		CÁI	96,000
CÁC PHỤ KIỆN & THIẾT BỊ CN				-

ĐỒNG HỒ ÁP SUẤT, CHÂN ĐỨNG PHI 63-5KG; R13 (KK GAUGES)	TAIWAN		CÁI	55,900
ĐỒNG HỒ ÁP SUẤT, CHÂN ĐỨNG PHI 63-7KG- R13 (KK GAUGES)	TAIWAN		CÁI	55,900
ĐỒNG HỒ ÁP SUẤT, CHÂN ĐỨNG PHI 63-10KG- R13 (KK GAUGES)	TAIWAN		CÁI	55,900
ĐỒNG HỒ ÁP SUẤT, CHÂN ĐỨNG PHI 100-7KG- R13 (KK GAUGES)	TAIWAN		CÁI	97,500
ĐỒNG HỒ BÁO NHIỆT ĐỘ- THERMOMETER-LOẠI CHÂN NẰM NGANG (0-100 độ) - DEAWON	DEAWON		cái	114,000
ĐỒNG HỒ BÁO NHIỆT ĐỘ- THERMOMETER-LOẠI CHÂN NẰM NGANG (0-150 độ) - DEAWON	DEAWON		cái	120,000
RƠ LE HƠI-HS-220 - (5-20KG)	NHẬP		CÁI	220,500
RƠ LE HƠI-HS-210 - (10KG)	NHẬP		CÁI	220,500
RƠ LE HƠI-HS-203 - (3KG)	NHẬP		CÁI	220,500
RƠ LE HƠI-HS-206 - (6KG)	NHẬP		CÁI	220,500
ĐIỀU TỐC US52-120W L2	US		CÁI	176,400
ĐIỀU TỐC US52-180W L2	US		CÁI	176,400
ĐIỀU TỐC US52-250W L2	US		CÁI	176,400
ĐK TỐC ĐỘ ĐỘNG CƠ-SS-22	NHẬP		CÁI	280,600

XƯƠNG CÁ NỔI BẰNG TÀI-PT 25 (TIGER BRAND)-dài 0,6 tấc; 10c/hộp	NHẬP		HỘP	276,000
BIỀN ÁP CÁCH LY 25VA : ĐẦU VÀO 380/220VAC; ĐẦU RA : 12;24;48;110;220V	CHINT		CÁI	240,307
BIỀN ÁP CÁCH LY 50VA : ĐẦU VÀO 380/220VAC; ĐẦU RA : 12;24;48;110;220V	CHINT		CÁI	368,323
BIỀN ÁP CÁCH LY 100VA : ĐẦU VÀO 380/220VAC; ĐẦU RA : 12;24;48;110;220V	CHINT		CÁI	425,779
BIỀN ÁP CÁCH LY 150VA : ĐẦU VÀO 380/220VAC; ĐẦU RA : 12;24;48;110;220V	CHINT		CÁI	615,283
BIỀN ÁP CÁCH LY 200VA : ĐẦU VÀO 380/220VAC; ĐẦU RA : 12;24;48;110;220V	CHINT		CÁI	746,726
BIỀN ÁP CÁCH LY 300VA : ĐẦU VÀO 380/220VAC; ĐẦU RA : 12;24;48;110;220V	CHINT		CÁI	1,003,565
ATM-BỘ CHUYỂN ĐỔI NGUỒN-4P 200A (OSS-62-TN)-KOREA	OSUNG		CÁI	11,180,650
BỘ ĐIỀU KHIỂN ATS-ACDIII	OSUNG		CÁI	5,381,750
Shuntrip dùng cho MCCB 150-250A; SHTA 240-0.5 SVR (MITSUBISHI)	MITSUBISHI I		CÁI	687,960
CÁC PHỤ KIỆN THIẾT BỊ HƠI & KHÍ NÉN				

VAN CẦU HỒI RT (GANG DẪO - BẠC)- PHI 34	KITZ		CÁI	552,000
MINI CYLINDER				
AIR CYLINDER MBL 25x50CA- (VỎ NHÔM)- MÃ TƯƠNG ĐƯƠNG PSS2-25-50-CA (MAX PRESS 1.0MPa)	AIRTAC		CÁI	402,500
AIR CYLINDER (VỎ NHÔM)-MBL40x50CA	AIRTAC		CÁI	615,250
AIR CYLINDER - PB 16*20 SCB	AIRTAC		CÁI	312,000
CYLINDER -SDA32x50S	AIRTAC		CÁI	425,500

BÀN ĐẠP HƠI KHÍ 5/2 4F210-08- REN 13MM	AIRTAC		CÁI	293,250
VAN ĐIỆN TỬ				
VAN ĐIỆN TỬ -UNI-D 21 (220V)	UNID		CÁI	222,000
VAN ĐIỆN TỬ -UNI-D 27 (220V)	UNID		CÁI	252,000
VAN ĐIỆN TỬ -UNI-D 34 (220V)	UNID		CÁI	345,150
VAN ĐIỆN TỬ -UNI-D 42 (220V)	UNID		CÁI	672,000
VAN ĐIỆN TỬ -UNI-D 49 (220V)	UNID		CÁI	806,400
VAN ĐIỆN TỬ -UNI-D 60 (220V)	UNID		CÁI	1,288,000
VAN ĐIỆN TỬ -UNI-D 21 (24V)	UNID		CÁI	240,000
VAN ĐIỆN TỬ -UNI-D 27 (24V)	UNID		CÁI	258,000
VAN KHÍ NÉN				
VAN ĐIỆN TỬ KHÍ NÉN VF 3130 (220V)- 5 CỔNG- 2 VỊ TRÍ; REN 1/4 IN (13MM)	JELPC		CÁI	293,250
VAN ĐIỆN TỬ KHÍ NÉN 3/2 3A-110-6 NC (220V)- 3 CỔNG- 2 VỊ TRÍ; REN 1/8 IN (9.6MM); 1 ĐẦU KÍCH HƠI	AIRTAC		CÁI	333,500
VAN ĐIỆN TỬ KHÍ NÉN 3/2 3A-310-10 NC (220V)- 3 CỔNG- 2 VỊ TRÍ; REN 3/8 IN (17MM); 1 ĐẦU KÍCH HƠI	AIRTAC		CÁI	368,000

VAN ĐIỆN TỬ KHÍ NÉN 4M310-08 (220V)- 5 CỔNG , 2 VỊ TRÍ; CỔNG 3/8 IN ,REN 17; CỔNG XÃ 1/4 IN REN 13.4M210-08 là loại van khí nén 5/2 có1 đầu coil điện (Ren 13mm)	AIRTAC		CÁI	408,250
VAN KHÍ NÉN 5/2-AIR-4A210-08 TAC- REN 13MM- 5 CỬA ; 2 VỊ TRÍ (LOẠI CÓ 1 ĐẦU KÍCH BẰNG KHÍ NÉN)	AIRTAC		CÁI	287,500
VAN KHÍ NÉN 5/2-AIR-4A220-08 TAC- REN 13MM- 5 CỬA ; 2 VỊ TRÍ (LOẠI CÓ 1 ĐẦU KÍCH BẰNG KHÍ NÉN)	AIRTAC		CÁI	322,000
VAN KHÍ NÉN 5/3-AIR-4A130C06 TAC- REN 9,6MM- 5 CỬA ; 3 VỊ TRÍ (LOẠI CÓ 2 ĐẦU KÍCH BẰNG KHÍ NÉN)	AIRTAC		CÁI	391,000
VAN KHÍ NÉN 5/3-AIR-4A230-08 TAC- REN 13MM- 5 CỬA ; 3 VỊ TRÍ (LOẠI CÓ 2 ĐẦU KÍCH BẰNG KHÍ NÉN)	AIRTAC		CÁI	368,000
VAN KHÍ NÉN 5/2-4V210-08A (220V) TAC - REN 13MM	AIRTAC		CÁI	240,000
VAN KHÍ NÉN 5/2 -4V210-06A (220V) TAC - REN 13MM	AIRTAC		CÁI	240,000

VAN KHÍ NÉN 5/2-4V110-06A (220V) TAC - REN 9,6MM	AIRTAC		CÁI	246,000
VAN KHÍ NÉN -4V320-10A (220V) TAC	AIRTAC		CÁI	390,000
CHIẾT ÁP REN 13-AR -2000 L2 (VAN ĐIỀU ÁP)	AIRTAC		CÁI	75,000
CẢM BIẾN TỪ -CMSG	AIRTAC		CÁI	112,500
VAN 1C MÁY NÉN KHÍ -SW-P310 (10HP)	NHẬP		CÁI	1,380,000
CHÂN HƠI -8MM- RN21 (EPC 8-04)	EASUN		CÁI	27,500
KHỚP NỐI NHANH-SF 40	EASUN		CÁI	18,750

ĐẦU NỐI NHANH ỐNG HƠI ĐỰC (PP20)	EASUN		CÁI	6,250
ĐẦU NỐI NHANH ỐNG HƠI CÁI (SP20)	EASUN		CÁI	12,500
NỐI RĂNG KHÍ NÉN RĂNG 13/6LY (CO NỐI HƠI, ỐNG 6 REN 13)	EASUN		CÁI	10,625
NỐI RĂNG KHÍ NÉN RĂNG 10/6LY	EASUN		CÁI	8,125
NỐI NHANH CHỮ T KHÍ NÉN, CÓ TIẾT LƯU, ỐNG 6MM	EASUN		CÁI	37,500
GIẢM ÂM KHÍ NÉN RĂNG 10	EASUN		CÁI	10,000
ỐNG HƠI-12MM (XANH)-100M/C	AIRTAC		CUỐN	1,680,000
ỐNG HƠI-16MM (XANH)-100M/C	AIRTAC		CUỐN	2,730,000
ỐNG HƠI-6MM (XANH)-100M/C	AIRTAC		CUỐN	470,800
ỐNG HƠI-8MM (XANH)-100M/C	AIRTAC		CUỐN	920,200

GHI CHÚ : GIÁ TRÊN CHƯA BAO GỒM THUẾ; DỊCH VỤ GIAO HÀNG TẬN NƠI; ĐT& ZALO : 0903626735 (MR LỘC)

